

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 92/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 16 – 5 – 2023
V/v tranh chấp về hôn nhân và gia
đình ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bạch Phiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Ngô Văn Khon;
- Ông Lê Văn Dài.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thùy Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhân – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 60/2023/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2023 về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phan Thị Kim H, sinh năm 1991.

Địa chỉ đăng ký thường trú: Ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Nơi ở hiện nay: Số nhà A, ấp B, xã G, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Trần Thanh S, sinh năm 1986. Địa chỉ: Số nhà E, tổ A, ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phan Thị Kim H trình bày:**

Chị Phan Thị Kim H và anh Trần Thanh S tổ chức đám cưới theo phong tục, tập quán địa phương, có đăng ký kết hôn ngày 06/10/2010, tại Ủy ban nhân dân xã

B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Thông qua mai mối chị H và anh S mới tìm hiểu nhau rồi đi đến đám cưới, sau đó mới đăng ký kết hôn. Việc anh chị kết hôn là tự nguyện, không bị ai cưỡng ép hay lừa dối kết hôn.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 03 đến 04 năm thì vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, do anh S không lo chí thú làm ăn mà thường xuyên nhậu, tham gia tệ nạn xã hội như đánh bài, đá gà, không lo cho cuộc sống của gia đình, làm được bao nhiêu tiền thì anh S tiêu xài cá nhân, cờ bạc hết. Chị H đã khuyên nhủ anh S rất nhiều lần, nhưng anh S không thay đổi, mà mỗi lần chị khuyên nhủ thì anh S đều chửi chị, còn nói với chị là chị nói nhiều anh S làm nhiều, nói ít anh S làm ít. Đến năm 2020, chị dẫn con về nhà cha mẹ ruột tại số nhà A, ấp B, xã G, huyện C, tỉnh Đồng Tháp sinh sống và ly thân với anh S tới nay. Từ khi ly thân đến nay, chị H và anh S không hàn gắn và không liên lạc với nhau. Hiện nay, chị không còn tình cảm vợ chồng với anh S.

Chị H và anh S 02 con chung tên Trần Thị Tuyết K, sinh ngày 25/5/2011 và Trần Minh T, sinh ngày 15/8/2013. Hiện nay 02 cháu đang sống với chị H.

Chị Phan Thị Kim H yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Chị Phan Thị Kim H yêu cầu ly hôn với anh Trần Thanh S.

- Về con chung: Chị Phan Thị Kim H yêu cầu được quyền nuôi dưỡng cháu Trần Thị Tuyết K, sinh ngày 25/5/2011 và Trần Minh T, sinh ngày 15/8/2013 đến khi các cháu thành niên, không yêu cầu anh Trần Thanh S cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại phiên tòa, bị đơn anh Trần Thanh S trình bày:*

Anh Trần Thanh S thống nhất về thời gian kết hôn, ly thân và nguyên nhân mâu thuẫn như chị Phan Thị Kim H trình bày.

Chị H và anh S 02 con chung tên Trần Thị Tuyết K, sinh ngày 25/5/2011 và Trần Minh T, sinh ngày 15/8/2013. Từ khi anh chị ly thân đến nay, cháu K sống với chị H, còn cháu T sống với anh S.

Đối với yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Kim H, anh Trần Thanh S có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Anh Trần Thanh S đồng ý ly hôn với chị Phan Thị Kim H.

- Về con chung: Anh Trần Thanh S thống nhất giao cháu Trần Thị Tuyết K, sinh ngày 25/5/2011 cho chị Phan Thị Kim H được quyền trực tiếp nuôi con. Anh S yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Minh T, sinh ngày 15/8/2013, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Kim H: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phan Thị Kim H và anh Trần Thanh S; Giao cháu Trần Thị Tuyết K, sinh ngày 25/5/2011 cho chị H được quyền nuôi dưỡng đến khi cháu thành niên; Giao cháu Trần Minh T, sinh ngày 15/8/2013 cho anh S được quyền nuôi dưỡng đến khi cháu thành niên; chị H và anh S không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau do anh chị không yêu cầu; Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không xem xét, giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm: Đơn khởi kiện ngày 30/01/2023 của chị H; Giấy chứng nhận kết hôn giữa chị Phan Thị Kim H và anh Trần Thanh S; Giấy khai sinh của cháu Trần Thị Tuyết K và Trần Minh T; Bản khai của cháu Trần Thị Tuyết K và Trần Minh T; Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 03/4/2023 và Biên bản xác minh ngày 06/4/2023.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Theo yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Kim H và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Trần Thanh S cư trú tại ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Phan Thị Kim H vắng mặt có đơn xin xử vắng mặt; nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị H là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ, nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Phan Thị Kim H và anh Trần Thanh S đăng ký kết hôn ngày 06/10/2010, tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Việc anh chị kết hôn là tự nguyện, không bị ai cưỡng ép hay lừa dối kết hôn. Việc kết hôn giữa chị Phan Thị Kim H và anh Trần Thanh S là đúng theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Nhưng trong thời gian anh chị chung sống với nhau thì anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, do anh S không lo làm ăn mà tham gia tệ nạn xã hội, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cãi và ly thân từ năm 2020 cho đến nay; Từ lúc

anh chị ly thân đến nay, anh chị không có liên lạc và hàn gắn với nhau; Chị H không còn tình cảm vợ chồng với anh S, anh S đồng ý ly hôn với chị H. Điều này chứng minh, hôn nhân giữa chị H và anh S đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, công nhận sự thuận tình ly hôn của giữa chị Phan Thị Kim H và anh Trần Thanh S là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Chị Phan Thị Kim H và anh Trần Thanh S có 02 con chung tên Trần Thị Tuyết K, sinh ngày 25/5/2011, Trần Minh T, sinh ngày 15/8/2013. Xét thấy, cháu K đang sống cùng và có nguyện vọng được sống với chị H; cháu T đang sống cùng và có nguyện vọng được sống với anh S. Vì vậy, để tránh việc thay đổi môi trường sống của các cháu, đảm bảo cho các cháu được phát triển đầy đủ về mặt thể chất và tinh thần, tiếp tục giao cháu K cho chị H được quyền nuôi dưỡng và giao cháu T cho anh S được quyền nuôi dưỡng là phù hợp.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con:

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H và anh S không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H và anh S xác định không có tài sản chung và nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quy định pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị Phan Thị Kim H phải chịu án phí về hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 69, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Kim H.

- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phan Thị Kim H và anh Trần Thanh S.

- Về con chung:

Giao cháu Trần Thị Tuyết K, sinh ngày 25/5/2011 cho chị Phan Thị Kim H được quyền trực tiếp nuôi con.

Anh Trần Thanh S không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị Phan Thị Kim H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Trần Thanh S.

Giao cháu Trần Minh T, sinh ngày 15/8/2013 cho anh Trần Thanh S được quyền trực tiếp nuôi con.

Chị Phan Thị Kim H không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh Trần Thanh S có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị Phan Thị Kim H.

Chị Phan Thị Kim H và anh Trần Thanh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Chị Phan Thị Kim H và anh Trần Thanh S không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau do anh chị không yêu cầu.

- Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.
- Về án phí:

Chị Phan Thị Kim H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0016166 ngày 30/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp. Chị Phan Thị Kim H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Trần Thanh S không phải chịu án phí.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- Chi cục THADS huyện Thanh Bình;
- UBND xã Bình Thành, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp (ĐKKH số 152, quyền số I/2010, ngày 06/10/2010);
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Bạch Phiến